

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2020/HNGĐ-ST

Ngày 30 – 6 – 2020

Về việc xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Hoàng Kha.

- Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Như, là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 233/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020 về việc “xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 395/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

– Nguyên đơn: Chị Trần Thị Bích N, sinh năm: 1986 (có mặt).

Địa chỉ: đường N, khóm T, phường X, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

– Bị đơn: Anh Phan Việt X, sinh năm: 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 04/5/2020 và tại phiên tòa, chị Trần Thị Bích N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phan Việt X xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tắc Vân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính) hiện đã thất lạc. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về tiền bạc, anh X không lo cho chị và con nên thường xuyên xảy ra cãi vã, sự việc được cha mẹ hai bên tổ chức hòa giải, hàn gắn nhưng không kết quả, cuộc sống chung không hạnh phúc và anh chị đã ly thân từ năm 2018. Nay chị xác định tình cảm không còn nên chị yêu cầu ly hôn anh X.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Phan Việt H, sinh ngày 16/12/2012, hiện cháu đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định không nợ ai và không ai nợ lại anh chị.

- Đối với anh Phan Việt X, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến phiên tòa để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử vụ án thông qua cha và mẹ ruột nhận thay và cam kết giao lại nhưng anh X vẫn không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Phan Việt X đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa xét xử theo quy định vào các ngày 25/5/2020, ngày 05/6/2020, ngày 19/6/2020, ngày 30/6/2020 nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh X theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Bích N và anh Phan Việt X chung sống vợ chồng vào năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tắc Vân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau nên hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận bảo vệ. Quá trình chung sống theo chị N trình bày vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về tiền bạc, anh X không lo cho chị và con nên thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống chung không hạnh phúc. Nay chị xác định tình cảm không còn nên chị yêu cầu ly hôn anh X. Đối với anh X không đến Tòa án theo giấy triệu tập, cũng không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy: Chị N và anh X có phát sinh mâu thuẫn, chị N xác định không còn tình cảm với anh X và anh chị đã ly thân từ năm 2018, trong khi anh X cũng không có thiện chí hàn gắn vợ chồng, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, cho chị được ly hôn anh X.

[3] Về con chung: Anh chị có 01 người con chung tên Phan Việt H, sinh ngày 16/12/2012, hiện cháu đang sống với chị N. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Xét thấy, hiện cháu H đang sống với chị N, nguyện vọng của cháu cũng muốn sống với chị N và chị N cũng có yêu cầu được nuôi con. Anh X không gửi văn bản cho Tòa án trình bày ý kiến về việc nuôi con nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu H cho chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh X không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị N không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị N xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét;

[6] Về nợ chung: Chị N khai vợ, chồng không nợ ai và không ai nợ lại vợ, chồng nên không đặt ra xem xét.

[7] Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Bích N về việc xin ly hôn anh Phan Việt X.
- Về con chung: Giao cháu Phan Việt H, sinh ngày 16/12/2012 cho chị Trần Thị Bích N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh X được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không có.
 - Về nợ chung: Không có.
 - Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, chị N phải chịu 300.000đ.
- Ngày 08 tháng 5 năm 2020, chị N đã dự nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 0001767 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau nên được đối trừ chuyên thu sung công quỹ nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- UBND xã Tắc Vân, Tp. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)
Lê Thị Thu**